

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH HẬU GIANG**

**Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST**

**Ngày: 29/6/2022.**

**V/v xin ly hôn.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Nguyễn Văn Tho.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn G, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn G trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn vào ngày 25/11/1987 (âm lịch) làm lễ cưới theo truyền thống, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là do mai mối, tự nguyện tiến tới hôn nhân.

Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có ba con chung chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988, anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990, anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Thị Bạch T trình bày: Bị đơn và nguyên đơn tự nguyện tới hôn nhân vào ngày 25/11/1987 có làm lễ cưới theo truyền thống không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mâu thuẫn vợ chồng do nguyên đơn và bị đơn không còn phù hợp nhau về tính tình, cách sống. Bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Thời gian chung sống bị đơn và nguyên đơn có ba con chung như nguyên đơn trình bày, con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến tới hôn nhân vào ngày 25/11/1987 (âm lịch), tức 14/01/1988 (dương lịch) có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, nguyên đơn và bị đơn không còn phù hợp nhau, vợ chồng tự ai nấy sống và đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế không tồn tại, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung các con đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 9, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Văn G và bị đơn Nguyễn Thị Bạch T không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung các con đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Văn G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0010530 ngày

15/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Nhân**